

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ - TỈNH
VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/DS - ST

Ngày: 06 - 5 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệt

2. Bà Huỳnh Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị R, sinh năm 1977 (có mặt)

Trú tại: Số 129A/9 ấp AH, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: ấp AH, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị R trình bày: Chị R làm chủ hui, chị Trần Thị T là hui viên có tham gia dây hui mùa 2.000.000đ khai ngày 10/9/2015, 1 năm khai 3 kỳ, có 15 phần hui, mẫn vào ngày 10/6/2020, chị T tham gia 01 phần, hốt hui lần thứ hai, hui kêu 810.000đ, các hui viên đóng 1.190.000đ, chị T hốt được 16.870.000đ, trừ tiền đầu thảo là 600.000đ, còn 16.270.000đ, chị R giao tiền cho chị T nhận, không có viết biên nhận. Sau khi hốt hui chị T đóng hui chết được 6 kỳ là 12.000.000đ và kỳ thứ 7 đóng 1.000.000đ, còn lại 06 kỳ chị T không đóng với tổng số tiền là 12.000.000đ.

Chị R yêu cầu chị T trả tiền hụi còn nợ nhưng chị T chỉ trả 1.000.000đ và viết tờ cam kết ngày 24/7/2020 còn nợ số tiền là 11.000.000đ, hứa mỗi tháng trả 2.000.000đ. Sau khi chị T viết tờ cam kết đến nay chị T không có trả tiền gì hay đưa tiền gì cho con chị hay khấu trừ nợ với ai.

- Tại phiên tòa chị Trần Thị T khai: Chị T có tham gia hụi do chị R làm chủ hụi và chị đã hốt hụi. Sau khi đối chiếu nợ hụi lại với nhau là chị T thừa nhận còn nợ chị R số tiền 11.000.000đ, chị có viết giấy cam kết và hứa mỗi tháng trả 2.000.000đ. Thực hiện cam kết chị đã trả trả cho chị R được số tiền 7.000.000đ, khi trả tiền cho chị R không có kêu chị R viết biên nhận cho chị, chị có trả tiền cho vợ anh Beo (không biết rõ họ và tên) số tiền 4.000.000đ theo như sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa chị và chị R, nhưng chị R không thừa nhận việc này, vì vậy chị đồng ý trả cho chị R số tiền nợ còn thiếu là 4.000.000đ, còn việc chị đưa tiền cho vợ anh Beo chị tự giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật TTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy giấy cam kết ngày 24/7/2020 do chị R cung cấp thể hiện rõ việc chị Trần Thị T còn nợ chị R số tiền 11.000.000đ, chị T thừa nhận có chơi hụi do chị R làm đầu thảo và có ghi giấy cam kết ngày 24/7/2020, chị T chỉ đồng ý trả cho chị R số tiền 4.000.000đ, còn lại 7.000.000đ chị T không đồng ý trả vì cho rằng chị T đã trả số tiền này cho chị R, lời trình bày này của chị T là không có cơ sở chấp nhận vì lẽ chị R không thừa nhận việc chị T có trả cho chị số tiền 7.000.000đ, chị T cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh chị có trả cho chị R 7.000.000đ. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, 471 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 16, 17, 18, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị R buộc bị đơn chị Trần Thị T trả cho nguyên đơn số tiền 11.000.000đồng theo giấy cam kết ngày 24/7/2020.

- Về án phí: buộc chị Trần Thị T chịu 550.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng góp hui. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét, yêu cầu của chị Mai Thị R yêu cầu chị Trần Thị T trả cho chị R tiền hui còn nợ là 11.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, chị T thừa nhận còn nợ chị R số tiền hui là 11.000.000đ và có viết giấy cam kết và hứa mỗi tháng trả 2.000.000đ kể từ ngày 24/7/2020, đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị T chỉ đồng ý trả cho chị R số tiền 4.000.000đ, còn 7.000.000đ còn lại chị đã trả cho chị R xong, nhưng chị R không thừa nhận có nhận số tiền 7.000.000đ của chị T; chị T cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc chị T có trả số tiền 7.000.000đ cho chị R. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị R số tiền hui còn nợ 11.000.000đ

[4] Về án phí: Buộc chị T phải chịu 550.000đ tiền án phí DSST.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị R

Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị R số tiền nợ hui là 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Mai Thị R số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003458 ngày 16/12/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị R, chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú